

ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN DỊCH VỤ THANH TOÁN THẺ

Điều 1. Giải thích từ ngữ

- VietinBank:** là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam
- Tổ chức phát hành thẻ (TCPHT):** là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện phát hành thẻ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Số cấp phép:** mã số giao dịch mà TCPHT cung cấp cho từng giao dịch thẻ xác nhận tài khoản của chủ thẻ tại thời điểm giao dịch còn đủ số dư và/hoặc hạn mức tín dụng để thực hiện giao dịch.
- Đơn vị chấp nhận thẻ (ĐVCNT):** là đơn vị chấp nhận thanh toán chấp nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ bằng thẻ.
- Chủ thẻ:** là cá nhân hoặc tổ chức được tổ chức phát hành thẻ cung cấp thẻ để sử dụng, bao gồm chủ thẻ chính và chủ thẻ phụ.
- Thẻ ngân hàng:** là phương tiện thanh toán do tổ chức phát hành thẻ phát hành để thực hiện giao dịch thẻ theo các điều kiện và điều khoản được các bên thỏa thuận.
- Hợp đồng thanh toán thẻ** (hoặc gọi là Hợp đồng): là Hợp đồng, bao gồm Giấy đề nghị sử dụng dịch vụ kèm hợp đồng thanh toán thẻ/Phụ lục thanh toán thẻ và bản Điều khoản và điều kiện thanh toán thẻ này, Điều khoản và điều kiện xử lý và bảo vệ dữ liệu cá nhân và các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung khác (nếu có).
- Tài khoản báo Có** là tài khoản dùng để nhận báo Có các giao dịch thẻ.
- Phí thanh toán thẻ:** là mức phí ĐVCNT thanh toán cho VietinBank theo quy định tại Hợp đồng thanh toán thẻ
- Thiết bị chấp nhận thẻ tại điểm bán (POS):** bao gồm Point of Sales (POS), Mobile Point of Sale (mPOS) và các loại thiết bị chấp nhận thẻ khác là các loại thiết bị đọc thẻ, thiết bị đầu cuối được cài đặt và sử dụng tại các ĐVCNT mà chủ thẻ có thể sử dụng thẻ để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ.
- Giao dịch thẻ:** là việc sử dụng thẻ thực hiện giao dịch thanh toán, rút tiền mặt và các dịch vụ khác do tổ chức phát hành thẻ, tổ chức thanh toán thẻ cung ứng theo quy định của pháp luật.
- Giao dịch nhờ thu:** là giao dịch ĐVCNT yêu cầu VietinBank thu hộ một khoản tiền từ chủ thẻ khi chủ thẻ cho phép hoặc chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán đối với giao dịch đó.
- Giao dịch hoàn trả:** là giao dịch ĐVCNT yêu cầu VietinBank hoàn trả một khoản tiền cho chủ thẻ.
- Giao dịch thẻ gian lận, giả mạo:** là giao dịch bằng thẻ giả, giao dịch sử dụng trái phép thẻ. Giao dịch thẻ gian lận, giả mạo được xác nhận của TCTQT, TCCMT, TCPHT hoặc các cơ quan có thẩm quyền bằng hình thức văn bản/thông điệp dữ liệu điện tử.
- Giao dịch thanh toán không tại ĐVCNT:** là việc sử dụng thẻ để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ nhưng thực tế không phát sinh việc mua bán, cung ứng hàng hóa, dịch vụ.
- Hóa đơn giao dịch thẻ:** là chứng từ giấy hoặc điện tử được tự động in/xuất ra khi thực hiện giao dịch thanh toán thẻ qua thiết bị chấp nhận thanh toán thẻ.
- Chứng từ thanh toán thẻ:** bao gồm hóa đơn giao dịch thẻ và các chứng từ liên quan đến giao dịch thẻ.
- Ngày làm việc:** là các ngày trong tuần trừ thứ bảy, chủ nhật và các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- Truy đòi:** là việc VietinBank thu hồi đối với các khoản ĐVCNT phải hoàn trả bằng tiền mặt, tiền trong tài khoản báo Có, các tài khoản khác; khoản đảm bảo thanh toán tại VietinBank và các biện pháp cần thiết khác theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Quyền hạn của VietinBank

- Hưởng phí thanh toán thẻ và các khoản phí thu khác theo quy định tại Hợp đồng/Giấy đề nghị kèm Hợp đồng thanh toán thẻ đã ký hoặc theo các Phụ lục kèm theo.
- Yêu cầu ĐVCNT cung cấp các hóa đơn, chứng từ giao dịch thanh toán tại ĐVCNT theo quy định của VietinBank, TCCMT, TCTQT hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền trong các trường hợp cần thiết nhằm kiểm soát tính hợp lệ, hợp pháp của giao dịch thanh toán.

3. Yêu cầu ĐVCNT hoàn trả đầy đủ số tiền thụ hưởng do VietinBank chuyển thừa, chuyển nhậm (bao gồm cả lỗi tác nghiệp, sự cố hệ thống của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán).
4. Được quyền cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin và tài liệu về các giao dịch thanh toán qua ĐVCNT cho Ngân hàng Nhà nước hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu
5. Được kiểm tra thực tế điểm kinh doanh hoặc kiểm tra qua kênh bán hàng trực tuyến để kiểm tra tính phù hợp của giấy tờ chứng minh loại hình kinh doanh của ĐVCNT.
6. Kiểm tra phần cứng và phần mềm, hệ thống lưu trữ/chương trình/ứng dụng quản lý, đường truyền kết nối phục vụ cho hoạt động thanh toán thẻ do ĐVCNT tự đầu tư đảm bảo theo tiêu chuẩn kỹ thuật của VietinBank, TCCMT, TCTQT.

Điều 3. Trách nhiệm của VietinBank

1. Tuân thủ các quy định của TCCMT, TCTQT và pháp luật Việt Nam
2. Đăng ký hoặc thực hiện các thủ tục liên quan với các TCTQT, TCCMT đảm bảo đủ điều kiện để triển khai dịch vụ thanh toán thẻ quốc tế.
3. Thiết lập các điều kiện, thông số kỹ thuật; cài đặt POS, thiết bị đầu cuối, ứng dụng; chương trình phần mềm phục vụ công tác chấp nhận thanh toán thẻ với VietinBank.
4. Trang cấp POS, hoá đơn ấn chỉ và các tài liệu liên quan đến hoạt động thanh toán thẻ cho ĐVCNT.
5. Xử lý các hư hỏng, sự cố phát sinh đối với các thiết bị thanh toán thẻ do VietinBank trang cấp.
6. Cung cấp các tài liệu hướng dẫn, thực hiện đào tạo liên quan đến thanh toán thẻ, quản lý rủi ro, tra soát khiếu nại, v.v... cho ĐVCNT trước và trong quá trình triển khai dịch vụ chấp nhận thanh toán thẻ.
7. Cung cấp đầy đủ công cụ, các dữ liệu giao dịch phục vụ công tác đối chiếu, tra soát liên quan đến hoạt động thanh toán thẻ
8. Xử lý dữ liệu, đối soát số liệu giao dịch giữa các bên. Phối hợp với ĐVCNT xử lý trong trường hợp xử lý dữ liệu sai gây thiệt hại về tài chính cho ĐVCNT.
9. Cung cấp thông tin tham khảo/khuyến cáo cho ĐVCNT liên quan đến phòng ngừa rủi ro nhằm hạn chế gian lận, giả mạo trong hoạt động chấp nhận thanh toán thẻ.
10. Giải quyết các đề nghị tra soát, khiếu nại của ĐVCNT đối với những giao dịch có sai sót hoặc nghi ngờ có sai sót theo quy định của pháp luật.
11. Yêu cầu ĐVCNTT cung cấp các hóa đơn, chứng từ giao dịch thanh toán tại ĐVCNTT theo quy định của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán hoặc trong các trường hợp cần thiết nhằm kiểm soát tính hợp lệ, hợp pháp của giao dịch thanh toán
12. Cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin và tài liệu về các giao dịch thanh toán thẻ cho TCCMT, TCTQT và cơ quan chức năng khi có yêu cầu.

Điều 4. Quyền hạn của ĐVCNT

1. Được tạm ứng bằng cách ghi có đầy đủ, đúng hạn trị giá trên hoá đơn giao dịch trừ đi phí thanh toán thẻ và khoản phí phải trả khác quy định tại **Hợp đồng thanh toán thẻ** đối với các giao dịch thanh toán thẻ phát sinh tại ĐVCNT.
2. Yêu cầu Vietinbank tra soát, khiếu nại đối với những giao dịch có sai sót hoặc nghi ngờ có sai sót theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Trách nhiệm của ĐVCNT

1. Tuân thủ các quy định của VietinBank, TCCMT, TCTQT và pháp luật Việt Nam.
2. Thanh toán **phí thanh toán thẻ được quy định tại Hợp đồng, phí phạt tuân thủ** và các khoản phí khác (nếu có) theo quy định của VietinBank, TCCMT, TCTQT.
3. **Mở tài khoản thanh toán để nhận tiền thanh toán (báo Có) từ việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ.**
4. Thực hiện theo các nguyên tắc chấp nhận thanh toán thẻ sau:

- a) Giao dịch phải hợp pháp từ phía chủ thẻ và ĐVCNT. Không chấp nhận giao dịch liên quan, có khả năng liên quan đến giao dịch rửa tiền, tài trợ khủng bố và không đáp ứng điều kiện của VietinBank, TCTQT, TCCMT, pháp luật.
 - b) Chấp nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ bằng thẻ khi chủ thẻ yêu cầu thực hiện giao dịch thẻ để thanh toán hàng hoá dịch vụ mà không thuyết phục chủ thẻ dùng phương tiện thanh toán khác.
 - c) Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của các hàng hóa, dịch vụ cung ứng; ĐVCNT cam kết không thực hiện các giao dịch hay hành vi bị cấm theo quy định của pháp luật. Chỉ được thực hiện việc chấp nhận thẻ thanh toán tiền hàng hóa dịch vụ do chính ĐVCNT cung cấp, không được phép thanh toán hộ một cửa hàng/ĐVCNT khác.
 - d) Phải thực hiện niêm yết công khai về việc không phân biệt giá hoặc thu thêm tiền, phụ phí đối với các giao dịch thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ bằng thẻ so với thanh toán bằng tiền mặt. ĐVCNT phải hoàn trả lại hoặc thông qua VietinBank để hoàn trả lại cho khách hàng số tiền chênh lệch giá, phụ phí đã thu trái quy định. ĐVCNT cần lưu lại bằng chứng về việc hoàn trả giao dịch để chứng minh việc hoàn trả cho KH khi có phát sinh khiếu nại. ĐVCNTT cam kết không được thu thêm các loại phí đối với khách hàng khi thanh toán thông qua dịch vụ thanh toán thẻ dưới bất kỳ hình thức nào.
 - e) Tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong việc xử lý dữ liệu cá nhân của khách hàng hoặc dữ liệu cá nhân do khách hàng cung cấp. ĐVCNT đồng ý và chấp thuận quy định tại bản Điều khoản và điều kiện bảo vệ dữ liệu cá nhân do VietinBank công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của VietinBank trong từng thời kỳ.
5. Các hành vi bị cấm:
- a) Sửa chữa, tẩy xóa phương tiện thanh toán thẻ, chứng từ thanh toán thẻ không đúng quy định pháp luật; làm giả phương tiện thanh toán thẻ, chứng từ thanh toán thẻ; lưu giữ, lưu hành, chuyển nhượng, sử dụng phương tiện thanh toán thẻ giả;
 - b) Thực hiện, tổ chức thực hiện hoặc tạo điều kiện để người khác thực hiện các hành vi sử dụng, lợi dụng thẻ, phương tiện thanh toán thẻ, dịch vụ thanh toán thẻ để giao dịch thẻ gian lận, giả mạo; giao dịch thanh toán không tại ĐVCNT; các giao dịch thẻ liên quan đánh bạc, tổ chức đánh bạc, gian lận, lừa đảo, kinh doanh trái pháp luật và thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật khác;
 - c) Thu phụ phí hoặc phân biệt giá khi chủ thẻ thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ bằng thẻ;
 - d) Thuê, cho thuê, mua, bán, mở hộ thẻ ngân hàng (trừ trường hợp thẻ trả trước vô danh); lấy cắp, thông đồng để lấy cắp, mua, bán thông tin thẻ; tiết lộ và cung cấp thông tin thẻ, chủ thẻ, số dư thẻ và giao dịch thẻ của KH không đúng quy định của pháp luật;
 - e) Xuyên nhập hoặc tìm cách xuyên nhập, đánh cắp dữ liệu, phá hoại, làm thay đổi trái phép chương trình phần mềm, dữ liệu điện tử sử dụng trong thanh toán, của hệ thống phát hành, thanh toán thẻ, chuyển mạch thẻ, bù trừ điện tử giao dịch thẻ; lợi dụng lỗi hệ thống mạng máy tính để trục lợi;
 - f) Cung cấp không trung thực thông tin có liên quan đến việc cung ứng hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán;
 - g) Phát hành, cung ứng và sử dụng các phương tiện thanh toán không hợp pháp;
 - h) Sử dụng thẻ để thực hiện các giao dịch cho các mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, lừa đảo, gian lận và các hành vi vi phạm pháp luật khác;
 - i) ĐVCNT chuyển thiết bị chấp nhận thẻ tại điểm bán, QR Code cho bên khác sử dụng; chấp nhận thanh toán thẻ mà không có hợp đồng thanh toán thẻ; sử dụng trái phép các thiết bị chấp nhận thẻ tại điểm bán, QR Code;
 - j) Chuyển giao các quyền, nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng cho một bên khác mà không có sự chấp thuận bằng văn bản của VietinBank;
 - k) Không lưu trữ, mua bán, cung cấp hay trao đổi thông tin về thẻ/chủ thẻ/giao dịch thẻ dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của VietinBank hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam. Các thông tin nêu trên bao gồm nhưng không giới

- hạn: số thẻ, thời hạn hiệu lực thẻ, PIN, Mã số xác thực thẻ, toàn bộ thông tin trên dải băng từ/con chip, dữ liệu mã hóa thông tin thẻ trên thiết bị di động (được gọi là token data trong các trường hợp thanh toán token như samsung pay, apple pay, garmin pay,...)
- l) Thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của Pháp luật và của VietinBank.
 6. Từ chối thanh toán thẻ
 - a) ĐVCNT phải từ chối thanh toán thẻ trong các trường hợp sau:
 - i. Sử dụng thẻ để thực hiện giao dịch thanh toán không tại ĐVCNT và các giao dịch thẻ bị cấm;
 - ii. Thẻ đã được chủ thẻ thông báo bị mất;
 - iii. Thẻ hết hạn sử dụng;
 - iv. Thẻ bị khóa.
 - b) Từ chối thanh toán thẻ khi có nghi ngờ về tính trung thực, mục đích giao dịch của chủ thẻ theo quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền.
 - c) ĐVCNT từ chối thanh toán thẻ trong các trường hợp sau:
 - i. Số dư tài khoản thanh toán, số dư thẻ, hạn mức tín dụng hoặc hạn mức thấu chi còn lại (nếu có) không đủ chi trả khoản thanh toán;
 - ii. Chủ thẻ vi phạm các quy định của TCPHT trong các thỏa thuận giữa chủ thẻ với TCPHT mà theo đó thẻ bị từ chối thanh toán.
 - iii. Ngừng/Tạm ngừng giao dịch thanh toán, cung ứng hàng hóa dịch vụ trong trường hợp nhận được thông báo của VietinBank về việc từ chối thanh toán thẻ/ nghi ngờ giao dịch gian lận, giả mạo. ĐVCNT chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thiệt hại phát sinh khi đã nhận được thông báo của VietinBank mà ĐVCNT vẫn thực hiện thanh toán thẻ, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
 7. Cập nhật, thực hiện theo đúng các tài liệu về các biện pháp, quy trình kỹ thuật nghiệp vụ và bảo mật, thông tin tham khảo/khuyến cáo khác liên quan đến hoạt động chấp nhận thanh toán thẻ do VietinBank cung cấp; phổ biến, đào tạo, hướng dẫn đầy đủ cho nhân viên trực tiếp thực hiện thanh toán thẻ về các nội dung này.
 8. Chấp thuận để VietinBank thực hiện truy đòi:
 - a) Số tiền các giao dịch gian lận, giả mạo/các giao dịch tranh chấp, khiếu nại phát sinh tại ĐVCNT và các khoản phí, tiền bồi thường, phí phạt tuân thủ của VietinBank, TCCMT, TCTQT, cơ quan chức năng có thẩm quyền.
 - b) Số tiền các giao dịch thẻ mà ĐVCNT không xuất trình các chứng từ thanh toán thẻ; các giao dịch thẻ thực hiện không đúng quy định tại Hợp đồng.
 - c) Số tiền giao dịch nhờ thu trong trường hợp chủ thẻ/TCPHT từ chối thanh toán.
 9. Trang website của ĐVCNT có chức năng thanh toán trực tuyến hoặc trang dịch vụ trực tuyến của ĐVCNT đảm bảo thể hiện chi tiết, đầy đủ, chính xác các thông tin liên quan đến việc cung cấp, thanh toán hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn: thông tin ĐVCNT; hàng hóa/dịch vụ, khuyến mại; giá bán, loại tiền (nếu có); điều kiện, phương thức và dịch vụ khách hàng (điện thoại, Email); quy định hoàn trả hàng hóa/dịch vụ; việc xử lý dữ liệu cá nhân của khách hàng hoặc dữ liệu cá nhân do khách hàng cung cấp; bảo mật dữ liệu thông tin khách hàng, giao dịch, thẻ
 10. Thường xuyên kiểm tra, giám sát các thiết bị, công cụ chấp nhận thanh toán (POS/mPOS/QR Code) của mình tại điểm chấp nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ tránh việc sử dụng không đúng mục đích đã đăng ký và chịu trách nhiệm thiệt hại xảy ra do bị dán đè QR code không hợp lệ, hợp pháp khi khách hàng thực hiện giao dịch thanh toán.
 11. Bảo quản POS và các mẫu hóa đơn giao dịch, các nhãn hiệu thương mại, biểu tượng quảng cáo được VietinBank cung cấp phục vụ cho việc chấp nhận thanh toán thẻ theo biên bản bàn giao. Trường hợp các POS bị hỏng, bị mất do lỗi của ĐVCNT, ĐVCNT cam kết sẽ bồi thường theo nguyên giá của POS thể hiện trên sổ sách của VietinBank.
 12. Lưu giữ các chứng từ thanh toán thẻ tối thiểu 18 tháng kể từ ngày giao dịch. Cung cấp các chứng từ cần thiết theo đề nghị của VietinBank trong vòng 2 ngày làm việc kể từ ngày nhận

được yêu cầu tra soát của VietinBank. Nếu sau 2 ngày làm việc mà VietinBank không nhận được các chứng từ theo yêu cầu, được hiểu là ĐVCNT chấp nhận hoàn trả lại tiền cho chủ thẻ và VietinBank có quyền ghi Nợ tài khoản của ĐVCNT số tiền của giao dịch tra soát, khiếu nại. **Cung cấp thông tin về ĐVCNT, các hóa đơn, chứng từ giao dịch thanh toán thẻ cho VietinBank theo quy định của VietinBank trong các trường hợp cần thiết nhằm kiểm soát tính hợp lệ, hợp pháp của giao dịch thanh toán hoặc từ cơ quan chức năng định kỳ hoặc khi được yêu cầu nhằm phục vụ hoạt động giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán.**

13. **Cung cấp thông tin về ĐVCNT, giao dịch thanh toán thẻ cho VietinBank, cơ quan chức năng định kỳ hoặc khi được yêu cầu nhằm phục vụ hoạt động giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán. Phối hợp với VietinBank xử lý các nội dung liên quan tra soát khiếu nại của chủ thẻ khi có yêu cầu.**
14. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và **Hợp đồng** ký kết với VietinBank.

Điều 6. Hướng dẫn sử dụng dịch vụ chấp nhận thanh toán thẻ tại ĐVCNT

ĐVCNT thực hiện theo quy định tại Hướng dẫn đính kèm của **Hợp đồng**.

Điều 7. Cam kết thực hiện và giải quyết tranh chấp

1. Các bên cam kết thực hiện:
 - a) Đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp cho chủ thẻ, phối hợp chặt chẽ để nhanh chóng giải quyết các sự cố kỹ thuật phát sinh từ các giao dịch và các khiếu nại của chủ thẻ tích cực và hiệu quả.
 - b) Xây dựng hệ thống kỹ thuật phụ trợ, trao đổi thông tin và tổ chức thực hiện việc cung cấp dịch vụ; tôn trọng thương hiệu và sản phẩm/dịch vụ hợp tác cung cấp, không có các hoạt động biểu hiện, ngụ ý hoặc coi sản phẩm/dịch vụ hợp tác là của riêng mình.
 - c) Không sử dụng các thông tin mật trực tiếp và/hoặc gián tiếp liên quan đến các điều khoản Hợp đồng, tình hình kinh doanh và các thông tin khác mà các bên chia sẻ trong quá trình hợp tác cho lợi ích riêng của mình và/hoặc để lộ thông tin mật cho một bên nào khác trừ khi có sự đồng ý của các bên còn lại và/hoặc theo yêu cầu của pháp luật.
2. Giải quyết tranh chấp
 - a) Hợp đồng được điều chỉnh bởi luật pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
 - b) Nếu có bất cứ tranh chấp nào phát sinh trong quá trình thực hiện, trước hết các bên sẽ cùng nhau giải quyết thông qua thương lượng trên tinh thần hợp tác xây dựng vì lợi ích chung. Trong trường hợp thương lượng không thành thì các bên có quyền đưa vụ tranh chấp đó ra giải quyết tại Tòa án Nhân dân có thẩm quyền ở Việt Nam.

Điều 8. Chấm dứt Hợp đồng

1. ĐVCNT đồng ý VietinBank có thể chấm dứt Hợp đồng mà không cần thông báo trước và phong tỏa/ hạn chế ghi nợ tài khoản của ĐVCNT và/hoặc thực hiện bất cứ nghiệp vụ cần thiết trong các trường hợp sau:
 - a) ĐVCNT không thực hiện đúng trách nhiệm được quy định trong **Hợp đồng**.
 - b) ĐVCNT vi phạm quy định của các TCTQT, TCCMT, Pháp luật Việt Nam.
 - c) ĐVCNT tham gia vào các hoạt động gian lận, bất hợp pháp.
 - d) ĐVCNT tham gia vào các hoạt động dẫn tới VietinBank vi phạm quy định của TCTQT, TCCMT.
 - e) ĐVCNT tham gia vào các hoạt động dẫn tới ảnh hưởng đến tình hình tài chính, tổn hại uy tín/thương hiệu/lợi thế thương mại cho VietinBank và các TCTQT, TCCMT.
 - f) VietinBank có cơ sở chứng minh hoạt động kinh doanh của ĐVCNT là không an toàn và có các rủi ro trong thanh toán.
 - g) Theo phán quyết hoặc yêu cầu của các TCTQT, TCCMT, cơ quan chức năng.
2. Khi một bên có hành vi cố ý vi phạm nghiêm trọng **Hợp đồng**, hoặc một bên vi phạm bất kỳ điều khoản nào của **Hợp đồng** mà không khắc phục vi phạm nói trên trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu khắc phục của Bên còn lại trừ trường hợp các Bên

- có thỏa thuận khác, thì bên bị vi phạm có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn và đòi bồi thường thiệt hại theo các quy định của Hợp đồng và các quy định của pháp luật có liên quan.
3. Hợp đồng có thể bị chấm dứt ngay lập tức bởi một trong các bên mà không cần thông báo bằng văn bản cho bên còn lại trong các trường hợp sau:
 - a) Một trong hai Bên bị tuyên bố phá sản, giải thể.
 - b) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
 4. Khi một trong hai bên ngừng hợp tác mà không thuộc trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 của Điều này, bên ngừng hợp tác phải thông báo ngay cho bên còn lại biết về việc chấm dứt Hợp đồng, nếu không thông báo mà gây thiệt hại thì phải bồi thường.
 5. Khi chấm dứt hợp đồng:
 - a) Các bên đóng thông số kỹ thuật, bàn giao POS, thiết bị đầu cuối và phối hợp giải quyết hết các tra soát, khiếu nại, các khoản phải trả liên quan đến việc chấp nhận thanh toán thẻ của ĐVCNT.
 - b) ĐVCNT vẫn chịu trách nhiệm tài chính liên quan đến tra soát, khiếu nại phát sinh trong vòng 24 tháng kể từ ngày giao dịch thẻ cuối cùng và các khoản phải trả mà VietinBank truy đòi.

Điều 11. Điều khoản thi hành

Bản Điều khoản và điều kiện này có giá trị pháp lý và ràng buộc trách nhiệm, nghĩa vụ giữa ĐVCNT và VietinBank trong suốt quá trình sử dụng dịch vụ chấp nhận thanh toán thẻ và bổ sung cho các bản Điều kiện và điều khoản đã ký trước đây.